

Số: 3431 /HDLS-GDĐT-TC-LĐT BXH

Long An, ngày 14 tháng 1 năm 2016

HƯỚNG DẪN LIÊN SỞ

VỀ VIỆC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP VÀ CƠ CHẾ THU, SỬ DỤNG HỌC PHÍ NĂM HỌC 2016-2017

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLDTBXH ngày 30/3/2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Tài chính – Bộ Lao động Thương và Xã hội Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 11/8/2016 của UBND tỉnh về ban hành mức thu học phí năm học 2016-2017 đối với giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường trung cấp, cao đẳng công lập trên địa bàn tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định về một số chính sách Dân số và sức khỏe sinh sản (DS-SKSS) trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2016-2020;

Liên Sở: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Lao động -Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện như sau:

Phần thứ I

CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÔNG PHẢI ĐÓNG HỌC PHÍ, ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

I. Đối tượng

1. Đối tượng không phải đóng học phí:

- a) Học sinh tiểu học công lập;
- b) Học sinh, sinh viên ngành sư phạm hệ chính quy theo học tại các cơ sở giáo dục giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học theo chỉ tiêu đào tạo của Nhà nước;
- c) Người theo học các ngành chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Giáo dục đại học. Các ngành chuyên môn đặc thù do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

2. Đối tượng miễn, giảm học phí

- Đối tượng được miễn học phí: Thực hiện theo Khoản 2, Điều 4 của Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Tài chính-Bộ Lao động Thương và Xã hội Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

- Đối tượng được giảm học phí: Thực hiện theo Khoản 3, Điều 4 của Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Tài chính-Bộ Lao động Thương và Xã hội Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; và và Hướng dẫn số 1180/HDLS-YT-TC-GDĐT ngày 01/6/2016 của Liên Sở Y tế- Sở Tài chính- Sở Giáo dục và Đào tạo Về việc thực hiện giảm học phí đối với Giấy chứng nhận thôi đẻ hẳn theo Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh Quy định một số chính sách Dân số và Sức khỏe sinh sản trên địa bàn Long An giai đoạn 2016-2020;

3. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập

Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ;

Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Trình tự thực hiện và hồ sơ

Thực hiện theo Điều 5 của Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLDTBXH ngày 30/3/2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Tài chính -Bộ Lao động Thương và Xã hội;

5. Hướng dẫn phương thức cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập

Thực hiện theo Điều 6 của Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLDTBXH ngày 30/3/2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Tài chính-Bộ Lao động Thương và Xã hội;

II. Công tác lập dự toán, phân bổ dự toán, quyết toán và nguồn kinh phí chi trả cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập

1. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện chi trả chế độ cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập được giao dự toán chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo hàng năm của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố.

2. Hướng dẫn công tác lập dự toán, phân bổ, quyết toán và nguồn kinh phí chi trả cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập

a) Cấp bù học phí cho các cơ sở giáo dục công lập

Cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập căn cứ hồ sơ đề nghị miễn, giảm học phí của học sinh xét miễn, giảm học phí

cho học sinh theo quy định; Căn cứ Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 11/8/2016 của UBND tỉnh về ban hành mức thu học phí năm học 2016-2017 đối với giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường trung cấp, cao đẳng công lập trên địa bàn tỉnh Long An và số lượng đối tượng được miễn, giảm học phí để lập danh sách, xây dựng dự toán ngân sách và đề nghị cấp bù học phí (kèm theo các hồ sơ xác nhận đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLDTBXH ngày 30/3/2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Tài chính-Bộ Lao động Thương và Xã hội) như sau:

- Đối với trường mầm non và trung học cơ sở, Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên: Gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định, tổng hợp gửi Phòng Tài chính-Kế hoạch để làm căn cứ tổng hợp trình UBND huyện, thị xã, thành phố bố trí dự toán kinh phí thực hiện;

- Đối với trường trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: Gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, thẩm định gửi Sở Tài chính để làm căn cứ tổng hợp, thẩm định và trình UBND tỉnh phân bổ dự toán kinh phí.

- Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội: Gửi về Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tổng hợp, thẩm định gửi Sở Tài chính để làm căn cứ tổng hợp, thẩm định và trình UBND tỉnh phân bổ dự toán kinh phí thực hiện.

b) Hỗ trợ chi phí học tập cho đối tượng quy định tại Điều 10 của Nghị định 86/2015/NĐ-CP

- Đối với trường mầm non và trung học cơ sở và trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên: căn cứ mức hỗ trợ chi phí học tập được quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định 86/2015/NĐ-CP (100.000 đồng/học sinh/tháng để mua sách, vở và các đồ dùng khác) và số lượng đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập để lập danh sách bao gồm cả các đối tượng học công lập và ngoài công lập (kèm theo các hồ sơ xác nhận đối tượng theo quy định tại Điều 5 của Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLDTBXH ngày 30/3/2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Tài chính -Bộ Lao động Thương và Xã hội) gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, thẩm định và xây dự toán kinh phí gửi Phòng Tài chính-Kế hoạch để làm căn cứ trình UBND huyện, thị xã, thành phố bố trí dự toán kinh phí thực hiện;

- Đối với trường trung học phổ thông các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: căn cứ mức hỗ trợ chi phí học tập được quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định 86/2015/NĐ-CP (100.000 đồng/học sinh tháng để mua sách, vở và các đồ dùng khác) và số lượng đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập để lập danh sách bao gồm cả các đối tượng học công lập và ngoài công lập (kèm theo các hồ sơ xác nhận đối tượng theo quy định tại Điều 5 của Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLDTBXH ngày 30/3/2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Tài chính-Bộ Lao động Thương và Xã hội) gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, thẩm định và xây dựng dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính để làm căn cứ tổng hợp trình UBND tỉnh bố trí dự toán kinh phí thực hiện;

c) Cấp trực tiếp tiền hỗ trợ miễn giảm học phí cho người học tại cơ sở giáo dục ngoài công lập:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo căn cứ mức thu học phí của các trường mầm non, trung học cơ sở công lập theo Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 11/8/2016 của UBND tỉnh về ban hành mức thu học phí năm học 2016-2017 và số lượng đối tượng được miễn, giảm học phí đang học tại các trường mẫu giáo và trung học cơ sở ngoài công lập trên địa bàn để lập danh sách (kèm theo các hồ sơ xác nhận đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLDTBXH ngày 30/3/2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Tài chính -Bộ Lao động Thương và Xã hội) thẩm định, tổng hợp và xây dựng dự toán kinh phí gửi Phòng Tài chính-Kế hoạch để làm căn cứ tổng hợp trình UBND huyện, thị xã, thành phố bố trí dự toán kinh phí thực hiện;

- Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ mức thu học phí của các trường trung học phổ thông công lập theo Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 11/8/2016 của UBND tỉnh về ban hành mức thu học phí năm học 2016-2017 đối với giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường trung cấp, cao đẳng công lập trên địa bàn tỉnh Long An và số lượng đối tượng được miễn, giảm học phí đang học tại các trường trung học phổ thông ngoài công lập trên địa bàn để lập danh sách (kèm theo các hồ sơ xác nhận đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLDTBXH ngày 30/3/2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Tài chính -Bộ Lao động Thương và Xã hội) thẩm định, tổng hợp và xây dựng dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính để làm căn cứ trình UBND tỉnh bố trí dự toán kinh phí thực hiện;

- Phòng Lao động - Thương binh và xã hội cấp huyện căn cứ mức trần học phí của chương trình đại trà tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học chưa tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư tương ứng với từng ngành, nghề đào tạo được quy định tại Nghị định 86 và số lượng đối tượng được miễn, giảm học phí học ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập và thuộc các doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế để lập danh sách (kèm theo các hồ sơ xác nhận đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Thông tư liên tịch này) thẩm định, tổng hợp và xây dựng dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện.

d) Căn cứ tổng hợp danh sách, kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập do Phòng giáo dục và đào tạo, Phòng lao động thương binh và xã hội thẩm định, cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định phê duyệt và thông báo kết quả cho cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở; đồng thời gửi Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp bố trí kinh phí.

e) Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện và của Sở giáo dục và đào tạo, Sở Lao động thương binh và xã hội, Sở Tài chính chủ trì phối hợp tổng hợp số đối tượng, nhu cầu kinh phí để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, bố trí kinh phí, đồng thời gửi báo cáo về Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (Phụ lục số X, XI, XII và phụ lục

XIII theo Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLDTBXH ngày 30/3/2016).

f) Chấp hành dự toán và quản lý, quyết toán kinh phí.

Việc chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí chi trả cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và Mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành. Cụ thể: quyết hỗ trợ chi phí học tập mục 6400, tiểu mục 6406; quyết toán cấp bù học phí mục 7750, tiểu mục 7766 theo chương loại khoản thích hợp. Đồng thời gửi báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện các chính sách này về cơ quan quản lý cấp trên để tổng hợp, gửi cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 20/7 hàng năm làm căn cứ xác định, bố trí dự toán kinh phí của năm kế hoạch.

h) Các chế độ về cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập: Chỉ áp dụng cho người học thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian đang theo học. Trường hợp trong quá trình học tập, người học thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập không có đơn đề nghị kèm theo đầy đủ các giấy tờ cần thiết theo quy định thì chỉ được cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập tính từ ngày cơ quan có thẩm quyền tại địa phương hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập nhận được đầy đủ hồ sơ cho đến khi kết thúc khóa học.

Phần thứ II

CƠ CHẾ THU, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG HỌC PHÍ

I. Quy định về mức thu

Mức thu học phí theo Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 11/8/2016 của UBND tỉnh về ban hành mức thu học phí năm học 2016-2017 đối với giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường trung cấp, cao đẳng công lập trên địa bàn tỉnh Long An.

Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập mức thu học phí được thực hiện theo mức thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập với Hội cha mẹ học sinh hoặc gia đình học sinh, sinh viên trên cơ sở đảm bảo được việc thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của cơ sở đối với học sinh, sinh viên và công khai mức thu học phí hàng năm theo quy định.

II. Thu, sử dụng và quản lý học phí

1. Học phí thu theo số tháng thực học, định kỳ thu theo hàng tháng, nếu học sinh, sinh viên tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông học phí được thu 09 tháng/năm. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông học phí được thu 9 tháng/năm. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học học phí được thu 10 tháng/năm.

2. Thu và sử dụng học phí

a) Cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học công lập có trách nhiệm tổ chức thu học phí và nộp vào Tài khoản tiền

gửi tại Kho bạc Nhà nước để quản lý, sử dụng. Khi thu phải cấp ngay biên lai cho từng học sinh.

b) Cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học công lập được sử dụng toàn bộ học phí thu được theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập sau khi trích tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

c) Hàng quý, năm cùng với việc lập dự toán thu, chi nguồn Ngân sách Nhà nước cấp, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học công lập dự toán thu, chi học phí báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp phê duyệt tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, giám sát thực hiện, Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để kiểm soát chi.

d) Niên độ ngân sách năm 2016, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học công lập lập quyết toán thu, chi học phí gửi báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp phê duyệt tổng hợp và chuyển cơ quan tài chính làm thủ tục ghi thu, ghi chi ngân sách theo quy định.

e) Từ năm 2017, các cơ sở giáo dục công lập thực hiện công tác kế toán và quyết toán học phí theo quy định hiện hành (Từ năm 2017 thu học phí không thuộc danh mục mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và Lệ phí, không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi ngân sách). Thu, chi học phí của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học công lập phải tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán thu, chi tài chính hàng năm của đơn vị theo quy định của pháp luật.

f) Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập, chủ cơ sở được tự chủ về tài chính, chủ động bố trí sử dụng học phí cho các hoạt động của cơ sở theo quy định hiện hành.

g) Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học công lập thực hiện công khai mức thu học phí theo năm theo quy định của Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống quốc dân, cụ thể như sau: Cơ sở giáo dục mầm non được quy định tại điểm a, b Khoản 2, Điều 5; Cơ sở giáo dục phổ thông được quy định tại điểm a, b Khoản 2, Điều 7; cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học được quy định tại điểm a, b Khoản 3 Điều 13. Người đứng đầu các cơ sở giáo dục trong tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, quản lý, sử dụng nguồn thu học phí và không được tự đặt ra mức thu và thu thêm bất kỳ một khoản thu nào khác.

h) Ngoài các khoản chi lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp và hoạt động thường xuyên thì đơn vị được chi các khoản sau:

+ Chi tăng cường cơ sở vật chất trường học phục vụ giảng dạy học tập như: sửa chữa, cải tạo vật chất hiện có, mua sắm thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, thuê mướn cơ sở vật chất, đồ gỗ, sách báo thư viện, thiết bị phục vụ công tác chuyên môn;

+ Chi các hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo: Chi thù lao cho giáo viên mời dạy, thanh toán tiền dạy tăng giờ quy định theo Thông tư Liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/03/2013 của Liên Bộ Giáo dục và

Đào tạo- Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập; chi thanh toán các hoạt động giảng dạy phục vụ giảng dạy, chi tổ chức các hoạt động chuyên đề, chi đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ viên chức nhà trường, hội nghị, hội thảo, tổ chức thi tuyển sinh, thi tốt nghiệp, chi hoạt động phí, tổ chức các phong trào thi đua dạy và học, chi khen thưởng giáo viên và học sinh có thành tích xuất sắc trong năm học và các phong trào thi đua (bao gồm các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn và các khoản chi thường xuyên thuộc nội dung chi hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo);

+ Chi cho hoạt động dạy thực hành nghề bao gồm mua vật tư thực hành, sửa chữa thiết bị hư hỏng, mua sắm bổ sung thiết bị dạy nghề, chi thù lao cho giáo viên dạy thực hành.

f) Công tác kế toán và quyết toán: Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập thực hiện công tác kế toán theo quy định tại Luật Kế toán ngày 17/6/2003; Nghị định 128/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong lĩnh vực kế toán nhà nước; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002 và các văn bản hướng dẫn Luật (năm 2017 thực hiện theo Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015); Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước; Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính.

Phần thứ III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo phòng, ban có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí năm học 2016-2017 theo Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLDTBXH ngày 30/3/2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Tài chính – Bộ Lao động Thương và Xã hội Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; và Hướng dẫn số 1180/HDLSTC-GDĐT ngày 01/6/2016 của Liên Sở Y tế-Tài chính-GDĐT Về việc thực hiện giảm học phí đối với Giấy chứng nhận thôi đẻ hẳn theo Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh Quy định một số chính sách Dân số và Sức khỏe sinh sản trên địa bàn Long An giai đoạn 2016-2020;

2. Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp công lập

Cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp công lập có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn phụ huynh học sinh lập thủ tục hồ sơ miễn

giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên theo đúng qui định.

3. Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập

Cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho phụ huynh và học sinh, sinh viên biết về các chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.

Xác nhận đơn và các giấy tờ khác có liên quan để phụ huynh và học sinh, sinh viên về địa phương được hưởng chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên theo đúng qui định.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Chịu trách nhiệm tổng hợp, thẩm định dự toán gửi Phòng Tài chính-Kế hoạch; tổ chức thực hiện việc miễn, giảm học phí cho trẻ em học mẫu giáo, học sinh trung học cơ sở công lập và thực hiện chi trả cấp bù học phí cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo, học sinh trung học cơ sở ngoài công lập theo đúng quy định; tổng hợp báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Chỉ đạo các trường theo phân quản lý có trách nhiệm thông báo và hướng dẫn phụ huynh học sinh lập thủ tục hồ sơ cho việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Chịu trách nhiệm tổng hợp, thẩm định dự toán kinh phí cấp bù học phí, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập và phân bổ dự toán kinh phí trên về các đơn vị sử dụng; tổng hợp quyết toán và báo cáo về Sở Tài chính theo qui định.

6. Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội: Chịu trách nhiệm lập dự toán cấp bù kinh phí gửi Phòng Tài chính-Kế hoạch cùng cấp; chi trả, quyết toán kinh phí cấp bù học phí trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở thực hiện chính sách miễn, giảm học phí đối với học sinh, sinh viên đúng quy định; phối hợp với các ngành chức năng liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí ở cơ sở.

Tổng hợp kinh phí miễn, miễn giảm học phí của các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở gửi về Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh bố trí kinh phí trong dự toán hàng năm của Sở.

Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, phổ biến đến học sinh, phụ huynh học sinh việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và hướng dẫn thủ tục hồ sơ cho học sinh; thực hiện việc miễn, giảm học phí cho học sinh theo đúng quy định.

9. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tổng hợp kinh phí chi trả cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập của tỉnh gửi Bộ Tài chính và thẩm định, phân bổ dự toán kinh phí theo qui định hiện hành.

- Phối hợp với các ngành chức năng liên quan tổ chức kiểm tra việc sử dụng kinh phí cấp bù học phí, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, tổng hợp báo cáo chung về UBND tỉnh.

10. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội: Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghiệp nghề trực thuộc Sở thực hiện chính sách miễn, giảm học phí đối với học sinh, sinh viên đúng quy định; phối hợp với các ngành chức năng liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí ở cơ sở.

Tổng hợp kinh phí miễn, miễn giảm học phí của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc Sở gửi về Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh bố trí kinh phí trong dự toán hàng năm của Sở.

Hướng dẫn này áp dụng cho năm học 2016 - 2017.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời bằng văn bản gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để liên Sở xem xét giải quyết./.

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI

SỞ TÀI CHÍNH
GIÁM ĐỐC

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoa Thanh Niên

Võ Công Khán

Nguyễn Thanh Tiệp

Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HỢND tỉnh "báo cáo";
- UBND tỉnh "báo cáo";
- TT.UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Sở: GDĐT, TC, LĐT BXH;
- UBND các huyện, TX, TP;
- KBNN tỉnh, huyện, TX, TP;
- Các cơ sở dạy nghề;
- Phòng GD-ĐT huyện, TX TP;
- Phòng TC-KH huyện, TX TP;
- Phòng LĐT BXH huyện, TP, TX;
- Lưu VT: các Sở GDĐT, TC, LĐT BXH.